TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2025/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 02 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", giữa:

- Nguyên đơn: Chị N T V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 2, xã Ngọc Đồng, huyện L, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V: bà Phạm Thị Thắm- trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- Bị đơn: Anh T V T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 2, xã Ngọc Đồng, huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T V và anh T V T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T V T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là T V T, sinh ngày 15/5/2011 và Trần Văn Anh Tú, sinh ngày 29/6/2016, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị N T V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị N T V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị V và anh T đều trình bày không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình cho chị V, do chị V là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Anh T phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm) nghìn đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã G, huyện Văn Yên Tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo